TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thuý Mở

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 392/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Cây Đa, xã A, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Cây Đa, xã A, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mát, sinh năm 1961 (là mẹ đẻ của bị đơn); nơi cư trú: Thôn Cây Đa, xã A, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 10 năm 2023 cùng các lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, chị N (nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 07 tháng 12 năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại thôn Cây Đa, xã A, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì anh V thay đổi tính nết, không lao động, đòi đi tu, đọc kinh, uống rượu và gia đình phải đưa đi chữa bệnh. Ngày 29/9/2023 theo Quyết định số 20/2023/QĐST-VDS của Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xác định anh V là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định chị là người giám hộ. Do mâu thuẫn vợ chồng nên đã ly thân cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị N và anh V có một con chung tên là Hoàng Quang Long, sinh ngày 29/5/2012. Hiện con đang do chị N nuôi dưỡng, con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn là anh V không trình bày được quan điểm của mình. Người đại diện cho bị đơn là bà Nguyễn Thị Mát là mẹ đẻ của bị đơn thống nhất với toàn bộ lời trình bày và đề nghị của nguyên đơn, đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và không có yêu cầu nguyên đơn phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho bị đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết nội dung vụ án thì đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Cho ly hôn giữa chị N và anh V. Giao con chung tên là Hoàng Quang Long, sinh ngày 29/5/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung vợ chồng do Tòa án không thụ lý giải quyết khi ly hôn nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về các tài liệu, chứng cứ và tình tiết của vụ án:

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất: Về quan hệ hôn nhân, con chung và lý do đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ đó phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà đương sự giao nộp, phù hợp với tài liệu do Tòa án thu thập được nên thuộc trường hợp không phải chứng minh; Quan hệ tài sản chung vợ chồng đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt vấn đề phải chứng minh.

Các tình tiết mà các bên không thống nhất: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Chị N, anh V và người đại diện vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh V và người đại diện.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh V được xác lập theo Giấy chứng nhận kết hôn số 190 ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng là hợp pháp. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì anh V thay đổi tính nết, không lao động, đòi đi tu, đọc kinh, uống rượu và gia đình phải đưa đi chữa bệnh. Ngày 29/9/2023 theo Quyết định số 20/2023/QĐST-VDS của Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xác định anh V là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi và chỉ định chị N là người giám hộ. Xác định hôn nhân của chị N và anh V không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, không có khả năng tồn tại và không có căn cứ nào xác định đị N có lỗi hay trốn tránh trách nhiệm, nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh V.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có một con chung tên là Hoàng Quang Long, sinh ngày 29/5/2012. Khi ly hôn chị N đề nghị giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của đương sự thể hiện chị N đang trực tiếp nuôi dưỡng con chung và có đủ điều kiện, khả năng và thời gian để chăm sóc con chung, con chung hiện đang khỏe mạnh phát triển bình thường, con chung có nguyện vọng ở cùng mẹ, anh anh V không đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ vào tình hình thực tế và quy định của pháp luật nên áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung tên là Hoàng Quang Long, sinh ngày 29/5/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con

chung, chị N không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh V không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị N và anh V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên là Hoàng Quang Long, sinh ngày 29/5/2012 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc trực tiếp nuôi con chung được thực hiện cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tại Biên lai số 0009721 ngày 20 tháng 12 năm 2023. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh V, bà Nguyễn Thị Mát không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã A, huyện Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Hiếu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hữu Tuyến **Ngô Minh Tâm** **Lê Trung Hiếu**